

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01 - 3 - 2021

“V/v tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tạo

2. Ông Phan Thanh Bảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoài Sơn - Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2020/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1970

Nơi cư trú: thôn T, xã Q1, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đoàn Trọng V - Sinh năm: 1968

Nơi cư trú: thôn T, xã Q1, thị xã Ba, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2020 và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, Chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và Anh Đoàn Trọng V tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Q2 (Nay là xã Q1, thị xã B), tỉnh Quảng Bình vào ngày 06 tháng 10 năm 1987. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh V lại sống không có trách nhiệm với gia đình, thậm chí còn có biểu hiện quan hệ bất chính với người phụ nữ khác khiến bản thân chị không đủ tin

tưởng để tiếp tục chung sống với anh V được nữa. Nhận thấy tình cảm thực sự không còn nên chị Bmong muốn xin được ly hôn với anh V để sớm ổn định cuộc sống.

Quá trình chung sống vợ chồng chị có 05 con chung gồm: Đoàn Đức Q, sinh ngày 06/02/1990; Đoàn Việt Tr, sinh ngày 20/6/1992; Đoàn Tuấn A, sinh ngày 16/5/1995; Đoàn Anh D, sinh ngày 24/12/1997 và Đoàn Phương Ng, sinh ngày 11/7/2003. Bốn con chung là Q, Tr, A và D đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động và có tài sản để nuôi sống bản thân nên muốn ở với ai là tùy vào nguyện vọng các con. Đối với con chung Đoàn Phương Ng, sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh V đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, chị và anh V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Đoàn Trọng V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo việc thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập anh đến Tòa án nhiều lần để giải quyết việc Chị Nguyễn Thị B xin ly hôn, nhưng anh V vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết.

Qua xác minh tại địa phương và Công an xã Q1 thì Anh Đoàn Trọng V đang có hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật, không đến tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Đoàn Trọng V;
2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Đoàn Trọng V;
3. Về quan hệ con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị B được quyền chăm sóc nuôi dưỡng con Đoàn Phương Ng, sinh ngày 11/7/2003 cho đến khi con chung trưởng thành, anh V không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con vì chị B có đủ điều kiện và không yêu cầu.
4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh Đoàn Trọng Vinh; anh V có nơi cư trú tại xã Q1, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

Đối với anh Đoàn Trọng V: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh đến Tòa án họp lệ nhiều lần để giải quyết việc Chị Nguyễn Thị B xin ly hôn, nhưng anh V vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án biết.

Qua xác minh tại địa phương và Công an xã Q1 thì Anh Đoàn Trọng V đang có hộ khẩu thường trú và làm ăn sinh sống tại địa phương. Anh Đoàn Trọng V được Tòa án triệu tập 02 lần đến tham gia tố tụng tại phiên tòa vào các ngày 01/02/2021 và ngày 01/3/2021, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt Anh Đoàn Trọng V là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Trọng V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q1, huyện Q2, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã Q1, thị xã B). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa hợp. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và giao nộp chứng cứ cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhiều lần, nhưng anh V đều vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản cho Tòa án biết. Chứng tỏ anh V cũng chẳng tha thiết gì đến việc xây dựng cuộc sống hạnh phúc gia đình. Xét thấy tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho Chị Nguyễn Thị B ly hôn với Anh Đoàn Trọng V là có cơ sở.

[3] Về quan hệ con chung:

Trong quá trình chung sống, Chị Nguyễn Thị B và anh Đoàn Trọng V có 05 con chung gồm: Đoàn Đức Q, sinh ngày 06/02/1990; Đoàn Việt Tr, sinh ngày 20/6/1992; Đoàn Tuấn A, sinh ngày 16/5/1995; Đoàn Anh D, sinh ngày 24/12/1997 và Đoàn Phương Ng, sinh ngày 11/7/2003. Xét thấy, bốn con chung của anh chị là Q, Tr, A và D đã trưởng thành. Đối với con chung Đoàn Phương Ng, hiện đang ở với chị B, chị B có nguyện vọng xin được nuôi con, cháu Ng cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho chị B trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Anh Đoàn Trọng V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do chị B có đủ điều kiện và không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Chị Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Đoàn Trọng V.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Đoàn Trọng V.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho Chị Nguyễn Thị B được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đoàn Phương Ng, sinh ngày 11 tháng 7 năm 2003 cho đến khi con trưởng thành (18 tuổi). Anh Đoàn Trọng V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, vì chị B có đủ khả năng, điều kiện và không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị đã nộp

trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ba Đồn theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006942 ngày 22 tháng 7 năm 2020. Chị B đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm(01/3/2021). Anh Đoàn Trọng V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã Ba Đồn;
- Chi cục THADS thị xã Ba Đồn;
- UBND xã Quảng Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Văn Dương